Phụ lục XXVIII

MẪU THÔNG BÁO VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ/BẢN CÁO BẠCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính)

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU THANH KHOẢN VINACAPITAL	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:20220420/VCFM-VLBF	*TP.HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2022*

THÔNG BÁO

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của quỹ đầu tư chứng khoán

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital báo cáo Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của **QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU THANH KHOẢN VINACAPITAL (VLBF)** như sau:

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Toàn văn bản	VLBF	VinaCapital - VLBF	Sửa đổi tên Quỹ
2.	Định nghĩa và diễn giải – Ngân hàng giám sát	(sau đây gọi tắt là ngân hàng BIDV) Nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079 đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 31/01/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003 cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản	(sau đây gọi tắt là ngân hàng BIDV) Nghĩa là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004 ~~đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 31/01/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003~~ **(và các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)** cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền	Cập nhật thông tin của Ngân hàng giám sát

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại **Error! Reference source not found.** Điều lệ này.	và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại **Error! Reference source not found.** Điều lệ này.	
3.			**Các định nghĩa khác: Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.**	Bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật.
4.	Chương 1, Điều 1 – Tên và địa chỉ của Quỹ	Tên viết tắt: VLBF	Tên viết tắt: VinaCapital-VLBF	Sửa đổi tên Quỹ
5.	Chương 1, Điều 7 – Ngân hàng giám sát	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 31/01/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004~~, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 31/01/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp~~ **(và các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)**	Cập nhật thông tin của Ngân hàng giám sát
6.	Chương 2, Điều 9.7 – Các loại tài sản mà Quỹ được đầu tư		**(f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ**	Bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật.
7.	Chương 2, Điều 16.3 e – Việc thực hiện lệnh mua của Nhà Đầu Tư	Số lượng chứng chỉ quỹ bán cho Nhà Đầu Tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.	Số lượng chứng chỉ quỹ bán cho Nhà Đầu Tư có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn **xuống** tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.	Điều chỉnh thông tin cho phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ.
8.	Chương 2, Điều 17.3 – Thực hiện một phần lệnh được chấp nhận và tạm	Việc thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Điều 17.1 bên trên sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Cụ thể, toàn bộ phần chưa thực	Việc thực hiện một phần các Lệnh Được Chấp Nhận theo quy định tại Điều 17.1 bên trên sẽ được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. ~~Cụ thể, toàn bộ phần chưa thực hiện của~~	Điều chỉnh thông tin cho phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	dừng giao dịch đơn vị quỹ	hiện của các Lệnh Được Chấp Nhận được ghép cùng với các Lệnh Được Chấp Nhận tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch của các Lệnh Được Chấp Nhận là như nhau. Phần còn lại của các Lệnh Được Chấp Nhận chưa được thực hiện sẽ bị hủy.	~~các Lệnh Được Chấp Nhận được ghép cùng với các Lệnh Được Chấp Nhận tới sau để thực hiện, bảo đảm tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch của các Lệnh Được Chấp Nhận là như nhau.~~ Phần còn lại của các Lệnh Được Chấp Nhận chưa được thực hiện sẽ bị hủy.	
9.	Chương 2, Điều 19 – Giá dịch vụ giao dịch đơn vị Quỹ	Giá dịch vụ phát hành Đơn Vị Quỹ được áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ. Giá dịch vụ phát hành Đơn Vị Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch. Giá dịch vụ mua lại Đơn Vị Quỹ được tính trên Giá Trị Tài Sản Ròng của mỗi Đơn Vị Quỹ được bán. Mức Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng dựa trên thời gian Nhà Đầu Tư nắm giữ Đơn Vị Quỹ, do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch. Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán khi chuyển đổi Đơn Vị Quỹ lấy đơn vị quỹ của quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Giá dịch vụ chuyển đổi Đơn Vị	Giá dịch vụ phát hành Đơn Vị Quỹ được áp dụng khi Nhà Đầu Tư mua Đơn Vị Quỹ. Giá dịch vụ phát hành Đơn Vị Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. **Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối.** Giá dịch vụ mua lại Đơn Vị Quỹ được tính trên Giá Trị Tài Sản Ròng của mỗi Đơn Vị Quỹ được bán. Mức Giá Dịch Vụ Mua Lại được áp dụng dựa trên thời gian Nhà Đầu Tư nắm giữ Đơn Vị Quỹ, do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. **Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối.** Giá dịch vụ chuyển đổi quỹ là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư phải thanh toán khi chuyển đổi Đơn Vị Quỹ lấy đơn vị quỹ của quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Giá dịch vụ chuyển đổi Đơn Vị Quỹ do	Điều chỉnh thông tin cho phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
		Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch. Giá dịch vụ chuyển nhượng (phi thương mại) đối với chứng chỉ quỹ áp dụng đối với Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển nhượng chứng chỉ quỹ không phải cho mục đích thương mại như để thừa kế, tặng, cho hoặc theo lệnh của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Giá dịch vụ đối với một giao dịch chuyển nhượng (phi thương mại) được công bố chi tiết trong Bản Cáo Bạch.	Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch. **Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối.** Giá dịch vụ chuyển nhượng (phi thương mại) đối với chứng chỉ quỹ áp dụng đối với Nhà Đầu Tư thực hiện chuyển nhượng chứng chỉ quỹ không phải cho mục đích thương mại như để thừa kế, tặng, cho hoặc theo lệnh của tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền. ~~Giá dịch vụ đối với một giao dịch chuyển nhượng (phi thương mại) được công bố chi tiết trong Bản Cáo Bạch.~~ **Mức giá dịch vụ cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ, đại lý phân phối.**	
10.	Chương 11, Điều 56.2	Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ.	Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá **trị** các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ.	Làm rõ thông tin trong Điều lệ.
11.	Chương 11, Điều 56.3	Giá Trị Tài Sản Ròng của một chứng chỉ quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn lấy đến hai (02) số thập phân	Giá Trị Tài Sản Ròng của một chứng chỉ quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại Ngày Giao Dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Giá Trị Tài Sản Ròng **của một chứng chỉ quỹ** được làm tròn **xuống** lấy đến hai (02) số thập phân	Điều chỉnh thông tin cho phù hợp với thực tế hoạt động của Quỹ.
12.	Chương 11, Điều 56.7 – Nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng	~~Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai.~~ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát	Điều chỉnh cho phù hợp quy định pháp luật và cho trường hợp luật có

<table>
<tr><th>STT</th><th>Điều khoản</th><th>Khoản mục, điều của Điều lệ cũ</th><th>Khoản mục, điều của Điều lệ mới</th><th>Lý do sửa đổi, bổ sung</th></tr>
<tr><td></td><td>giá trị tài sản ròng của Quỹ</td><td>Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.</td><td>cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.</td><td>chỉnh sửa (nếu có)</td></tr>
<tr><td>13.</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>14.</td><td>Chương 12, Điều 60 – Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng</td><td>5. Tiền giá dịch vụ trả cho Đại Lý Chuyển Nhượng:
<table><tr><th>Loại dịch vụ</th><th>Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm VAT)</th></tr><tr><td>- Giá dịch vụ cố định hàng tháng</td><td>10.000.000 VNĐ/ tháng</td></tr></table></td><td>5. Tiền giá dịch vụ trả cho tổ chức Đại Lý Chuyển Nhượng được chi tiết tại Bản cáo bạch của Quỹ
<table><tr><th><s>Loại dịch vụ</s></th><th><s>Mức giá dịch vụ (chưa bao gồm VAT)</s></th></tr><tr><td><s>- Giá dịch vụ cố định hàng tháng</s></td><td><s>10.000.000 VNĐ/ tháng</s></td></tr></table></td><td></td></tr>
</table>

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
				Cập nhật thông tin thay đổi của giá dịch vụ Đại Lý Chuyển Nhượng.
15.	Phụ lục 02 – Cam kết của Ngân hàng giám sát	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 31/01/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079 **do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp,** đăng ký ~~thay đổi lần thứ 11 ngày 31/01/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp~~ **lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)**	Cập nhật thông tin của Ngân hàng giám sát
16.	Phụ lục 03 – Cam kết chung của công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng giám sát	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 31/01/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619079 **do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp,** đăng ký ~~thay đổi lần thứ 11 ngày 31/01/2019 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp~~ **lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)**	Cập nhật thông tin của Ngân hàng giám sát
17.	Phụ lục 04 – Định giá tín	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ	Tín phiếu kho bạc, ~~hối phiếu ngân hàng, thương phiếu,~~ chứng chỉ tiền	Làm rõ thông tin theo quy định tại

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	phiếu kho bạn, chứng chỉ tiền gởi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ khác	tiền gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	gửi có thể chuyển nhượng và các công cụ thị trường tiền tệ ~~chiết khấu~~ khác	Sổ tay định giá của Quỹ.
18.	Phụ lục 04 – Định giá trái phiếu niêm yết	Được xác định theo giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giá giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây: (i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc (ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.	Được xác định theo giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giá giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp **sau**: • Không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, • **Chỉ có giao dịch trên hệ thống giao dịch với giá có biến động bất thường theo chi tiết được đề cập trong Sổ tay định giá.** **thì giá trái phiếu được thực hiện theo chi tiết được đề cập trong sổ tay định giá được Ban đại diện Quỹ phê duyệt.** ~~giá trái phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây:~~ ~~(i) Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc~~ ~~(ii) Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc~~ (iii) ~~Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận~~.	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
19.	Phụ lục 04 – Định giá trái phiếu niêm yết được chấp thuận nhưng chưa có giao dịch đầu tiên và		**Chi tiết quy định tại Sổ tay định giá**	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
	trái phiếu hủy niêm yết			
20.	Phụ lục 04 – Định giá cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây (i) Giá trị sổ sách; hoặc (ii) Giá mua; hoặc (iii) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.	Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá. Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá cổ phiếu là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau đây **(i) Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước ngày định giá, hoặc** (ii) Giá trị sổ sách; hoặc (iii) Giá mua; hoặc (iv) Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
21.	Phụ lục 04 – Định giá cổ phiếu được chấp thuận niêm yết và chưa có ngày giao dịch đầu tiên		**Áp dụng phương pháp xác định giá tương tự phương pháp xác định giá của Cổ phần, phần vốn góp khác.**	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
22.	Phụ lục 04 – Định giá chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết		**Được xác định theo giá thị trường, là giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.**	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			Trong trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá, giá của chứng chỉ quỹ là giá được xác định theo một trong các phương pháp sau: **- Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ được công bố thông tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc** **- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng mười hai (12) tháng trước ngày định giá; hoặc** **- Giá mua; hoặc** **- Giá trị sổ sách; hoặc** **- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại diện Quỹ chấp thuận.**	
23.	Phụ lục 04 – Định giá chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết		**Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.**	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
24.	Phụ lục 04 – Định giá chứng khoán phái sinh		**Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá**	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.
25.	Phụ lục 04 – Định giá chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá		**Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.**	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
26.	Phụ lục 04 – Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh		**4.1 Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà Quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế** **4.2 Khi tính giá trị cam kết, Công ty Quản lý Quỹ được áp dụng:** - **Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở;** **Ví dụ: vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.** - **Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán;** **Ví dụ: vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phái sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ.** - **Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, đảm bảo quản trị được rủi ro.** **1. Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua): Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (*) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng x Giá**	Làm rõ thông tin theo quy định tại Sổ tay định giá của Quỹ.

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			trị thị trường hiện tại của cổ phiếu x Hệ số delta (**) 2. Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua): Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn (***) điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng x Mệnh giá x Giá thị trường hiện tại của trái phiếu x Hệ số delta 3. Hợp đồng tương lai chỉ số: Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị tính trên một điểm chỉ số x Mức chỉ số hiện tại 4. Hợp đồng tương lai trái phiếu: Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng x Giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) x Giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao 5. Các hợp đồng khác: Theo mô hình do Công ty Quản lý Quỹ lựa chọn, thống nhất cùng Ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. (*) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium). (**) Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do Công ty Quản lý	

STT	Điều khoản	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Lý do sửa đổi, bổ sung
			Quỹ, Ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận. **(***) Nếu Quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).**	

- Ngày bắt đầu có hiệu lực:
- Công ty cam kết sẽ hoàn tất các thủ tục liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của công văn này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ kèm theo:

(Liệt kê đầy đủ)

- Điều lệ sửa đổi, bổ sung

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital

Tổng Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ VINACAPITAL

Brook Colin Taylor